

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:25/2020/HS-ST
Ngày 21/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Thẩm phán: ông Đặng Minh Tuân

Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thu Hương, ông Nguyễn Đức Dân và ông Cao Khắc Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Anh, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2020/TLHS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo: Nguyễn Thị Thanh H; (*Tên gọi khác: Không*); Sinh ngày 13 tháng 6 năm 1984 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 19 (nay là tổ 10), phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: Cán bộ ngân hàng; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết); Con bà : Nguyễn Thị K, sinh năm: 1948; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Nguyễn Đức T, sinh năm 1980; có 2 con chung; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/10/2019 tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

***Người bào chữa cho bị cáo** (do cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định): Ông Nguyễn Công Q là luật sư thuộc văn phòng luật sư AT, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

*** Bị hại:** Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình; Địa chỉ: Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy H1; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, người đảm nhận nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc ngân hàng

Thương mại cổ phần An Bình ủy quyền cho ông Trần Văn U, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 21(nay là tổ 14), phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình Chi nhánh Thái Nguyên; Địa chỉ: 140, đường HVT, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Phạm Thu H2, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 24 (nay là tổ 12), phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ 25, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1948; Trú tại: Tổ 25, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

** Những người làm chứng:*

1. Ông Ngô Xuân H4, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 12, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

2. Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 01, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

3. Ông Bùi Như T2, sinh năm 1966; Trú tại: Tổ 4, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

4. Chị Đào Thị P, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 6, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

5. Anh Bùi Anh T3, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 24, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, chi nhánh Thái Nguyên (sau đây gọi là Ngân hàng An Bình), có trụ sở tại địa chỉ: Số 140 đường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, có đặt 03 máy ATM (máy rút tiền tự động) tại các địa chỉ là: Máy ATM số 00098702 đặt trong khu ký túc xá trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, địa chỉ tại: Tổ 16, phường TĐ, thành phố Thái Nguyên; Máy ATM số 00098701 đặt tại Công ty Điện lực Thái Nguyên, địa chỉ tại số 31 đường HVT, thành phố Thái Nguyên; Máy ATM số 00098704 đặt tại trụ sở Ngân hàng An Bình, địa chỉ tại: Số 140 đường HVT, thành phố Thái Nguyên. Việc quản lý hoạt động của các máy ATM được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-TGD.13 ngày 27/9/2013 của Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP An Bình, ban hành quy trình nghiệp vụ ATM, quy định cụ thể, chi tiết đối với việc quản lý,

việc thực hiện tiếp quỹ ATM, theo đó việc tiếp quỹ, chu kỳ tiếp quỹ và việc phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên tham gia tiếp quỹ được thực hiện như sau: Thành viên của Ban quản lý ATM phải có tối thiểu ít nhất từ 03 người trở lên, gồm các vị trí Trưởng Ban quản lý ATM, Thành viên 1, Thành viên 2; một chu kỳ quỹ của ATM không được quá 20 ngày, khi thực hiện việc tiếp quỹ phải có đủ các thành viên trong tổ tiếp quỹ tham gia. Trong quá trình thực hiện nghiêm cấm tuyệt đối không được bàn giao các chìa khóa, mã kết cho 01 cán bộ thực hiện T bộ quá trình liên quan tới xử lý tiếp quỹ, hoàn quỹ, xử lý sự cố ATM.

Căn cứ vào quy trình nghiệp vụ ATM, ngày 25/02/2019, Giám đốc Ngân hàng An Bình- chi nhánh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 136/QĐ-NHABCNTN.19 V/v thành lập Ban quản lý ATM của ABBANK Thái Nguyên, gồm 07 tHnh viên, trong đó Bà Đặng Thị T1- Trưởng phòng Vận hành là Trưởng Ban quản lý; bà Nguyễn Thị Thanh H- Trưởng quỹ là Phó Ban quản lý; bà Phạm Thu H2 là thành viên 1.

Hoạt động của Ban quản lý thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-TGD.13 ngày 27/9/2013 của Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP An Bình, theo đó bà Thảo có nhiệm vụ: “Tổ chức điều phối, thực hiện và theo dõi công tác vận Hnh hoạt động ATM của đơn vị kinh doanh an T và hiệu quả, tuân thủ theo đúng quy trình quy định của ABBANK và Ngân hàng NH nước quy định. Theo dõi tình hình và phản ánh kịp thời các vấn đề về hình ảnh lên quan đến ATM, an T hoạt động của ATM đến Ban giám đốc và Trung tâm hỗ trợ và vận hành thẻ cũng như đề xuất các biện pháp khắc phục. Thực hiện các biện pháp an T hoạt động, hình ảnh liên quan đến ATM theo chỉ đạo của Ban giám đốc chi nhánh/Sở giao dịch và Trung tâm hỗ trợ và vận hành thẻ. Kiểm soát hỗ trợ các nghiệp vụ pháp sinh liên quan đến hoạt động ATM của đơn vị kinh doanh. Giữ chìa khóa kết ATM. Giữ mã kết. Báo cáo hoạt động ATM tại đơn vị cho Giám đốc chi nhánh/Sở giao dịch và Trung tâm hỗ trợ và vận Hnh thẻ theo định kỳ hàng tuần cũng như đột xuất khi có yêu cầu”.

Cùng ngày 25/02/2019, bà Đặng Thị T1 đã làm giấy ủy quyền, nội dung ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh H được thay mặt thực hiện các công việc tại Ban quản lý ATM gồm: Giữ chìa khóa định vị kết ATM 98701, 98702 và 98704; Giữ mã kết ATM 98701, 98702 và 98704, bà H có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng các quy định của ABBANK trong Quyết định số

221/QĐ-TGD.13 ngày 27/9/2013 của Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP An Bình.

Từ năm 2019, tại ngân hàng An Bình, do thiếu cán bộ nên chủ yếu việc triển khai đi tiếp quỹ cho các máy ATM được giao cho 02 thành viên là Nguyễn Thị Thanh H và Phạm Thu H2 và có thêm sự tham gia của 01 bảo vệ Ngân hàng, riêng đối với việc tiếp quỹ cho 02 máy ATM số 00098702 và 0098701 có thêm 01 lái xe chuyên dụng. Do việc tiếp quỹ thiếu thành viên nên Nguyễn Thị Thanh H làm nhiệm vụ quản lý chìa khóa định vị kết, mã kết máy ATM, giám sát việc tiếp quỹ ATM; Phạm Thu H2 có nhiệm vụ làm thủ tục tiếp quỹ, áp giải tiền, giữ chìa khóa kết trên xe chuyên dụng, chìa khóa ngăn kỹ thuật của máy ATM, quản lý thẻ Server và tiếp tiền vào các hộp tiền của máy ATM...

Do nắm được quy trình tiếp quỹ và những thiếu sót, sơ hở trong việc quản lý quỹ ATM và để phục vụ nhu cầu cá nhân Nguyễn Thị Thanh H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ số tiền được giao để tiếp quỹ ATM, với ý định đó lợi dụng những lúc H2 bận công việc cá nhân H đã đề nghị với H2 đưa các chìa khóa ngăn kỹ thuật, chìa khóa kết trên xe chuyên dụng để H tự đi tiếp quỹ ATM 1 mình, từ đó H không tiếp đủ số tiền vào máy ATM theo đề nghị tiếp quỹ đã được duyệt mà chỉ tiếp một lượng tiền nhỏ vào hộp tiền trong máy ATM, số còn lại H chiếm đoạt để sử dụng cá nhân. Để không bị phát hiện H thực hiện các thao tác nhập khai báo số liệu trên máy ATM về việc cắt quỹ, tiếp quỹ theo đúng số tiền đề nghị tiếp quỹ và lấy các phải khai báo về nộp lại cho kế toán, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/6/2019, căn cứ chu kỳ tiếp quỹ cho máy ATM số 000098702 đặt tại Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế Tài Chính thuộc tổ 16 phường TĐ, thành phố Thái Nguyên, H bảo H2 làm đề nghị tiếp quỹ theo số tiền đề nghị tiếp quỹ của kỳ tiếp quỹ trước là 344.000.000 đồng. Sau khi được duyệt H2 nhận số tiền trên từ quỹ theo lệnh điều tiền, H2 đi cùng H và bảo vệ của ngân hàng là ông Ngô Xuân H4, sinh năm 1960, HKTT: Tổ 12, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mang tiền ra kết trên xe ô tô chuyên dụng BKS: 20M-0219, do anh Bùi Anh T3, sinh năm 1981, HKTT: Tổ 24, phường QT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên điều khiển chở 03 người đến điểm tiếp quỹ. Qua nói chuyện trên đường đi thấy H2 đang bận công việc cá nhân nên H đã bảo H2 cứ đi giải quyết công việc để H đi tiếp quỹ 1 mình, H2 đồng ý giao lại chìa khóa ngăn kỹ thuật máy ATM,

chìa khóa kết trên xe chuyên dụng, thẻ Server và giao cho H số tiền 344.000.000 đồng đang để trong két trên xe, H2 xuống xe tại vị trí gần đối diện với Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, còn anh T3 tiếp tục lái xe chở H cùng ông Hồi đến điểm tiếp quỹ.

Khoảng 11 giờ cùng ngày H đến máy ATM số 00098702 đặt tại Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính thuộc tổ 16 phường TĐ, thành phố Thái Nguyên, H mở két trên xe lấy túi đựng số tiền 344.000.000 đồng mang vào trong máy ATM để thực hiện việc tiếp quỹ. Lúc này ông Hồi đứng cách vị trí máy ATM khoảng 01-02 m làm nhiệm vụ bảo vệ cho H tiếp quỹ an toàn. H dùng thẻ Server để cắt quỹ, in biên lai giao dịch, tiếp tục mở ngăn ngoài ngăn kỹ thuật, mở khóa két định vị, mở mã két. H rút các hộp tiền ra và lấy số tiền còn tồn của chu kỳ quỹ trước đang để trong các hộp tiền ra cho vào một chiếc túi của Ngân hàng, sau đó H cho hết số tiền mệnh giá 20.000 đồng vào hộp tiền, cho một ít tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng vào các hộp tiền tương ứng, số tiền còn lại H không tiếp vào các hộp tiền mà cất vào riêng 01 chiếc túi của Ngân hàng để chiếm đoạt. Lần tiếp quỹ ngày 27/6/2019, H đã chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền: 322.350.000 đồng.

Để không bị phát hiện việc chiếm đoạt tiền, H thực hiện việc khai báo thông số tiếp quỹ của chu kỳ mới (nhập số tờ tiền của từng mệnh giá) tại bàn phím bên trên máy ATM, in 02 biên lai giao dịch thể hiện số tiền tồn cắt quỹ chu kỳ trước và số tiền tiếp quỹ chu kỳ mới. H đóng khóa két định vị, đóng cửa ngăn kỹ thuật, cắm thẻ Service vào máy ATM và thực hiện khai báo thông số tiếp quỹ của chu kỳ mới tại bàn phím trên máy ATM, khai báo tổng số tiền của từng mệnh giá, in 02 biên lai giao dịch thể hiện việc tiếp quỹ chu kỳ mới. Sau đó H dùng thẻ ATM của mình thực hiện 03 giao dịch rút tiền theo quy định để kiểm tra việc tiếp tiền vào các hộp tiền theo từng mệnh giá. Do khai báo số tiền tiếp quỹ chu kỳ mới trùng khớp với số lượng tiền của từng mệnh giá theo đúng đề nghị tiếp quỹ nên không ai phát hiện được H đã chiếm đoạt tiền tiếp quỹ ATM.

Sau khi hoàn tất việc khai báo, H cầm 02 túi đựng tiền mang ra xe ô tô chuyên dụng để về trụ sở, trên đường về đón H2 ở gần khu vực Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên, khoảng 11 giờ 30 phút về đến trụ sở Ngân hàng An Bình chi nhánh Thái Nguyên, H nộp lại túi đựng số tiền tồn và các biên lai giao dịch cho H2 để H2 làm các báo cáo theo quy định, túi đựng số tiền không

tiếp vào quỹ H để vào tủ cá nhân, hết giờ làm việc H mang túi tiền về nhà và sử dụng nhiều lần vào việc cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng hơn 16 giờ ngày 16/7/2019, H bảo H2 làm đề nghị tiếp quỹ máy ATM 00098704 đặt tại trước cửa trụ sở ngân hàng An Bình Chi nhánh Thái Nguyên, H2 làm đề nghị tiếp quỹ bằng số tiền đề nghị tiếp quỹ của chu kỳ trước là 694.000.000 đồng. Sau khi được duyệt, H2 nhận số tiền trên từ quỹ theo lệnh điều tiền, đi cùng H và người bảo vệ là ông Bùi Như T2, sinh năm 1966, HKTT: Tổ 4 phường TT, thành phố Thái Nguyên cùng ra máy ATM. H và H2 mở cửa ngăn kỹ thuật máy ATM rút các hộp tiền ra và mang vào quầy giao dịch, ông Tâm đứng cách cây ATM khoảng 01-02m để bảo vệ việc tiếp quỹ. H cùng H2 lấy số tiền tồn của chu kỳ trước ra để trên bàn quầy giao dịch rồi cầm theo tiền và các hộp tiền ra máy ATM. H bảo H2 quay lại quầy giao dịch để làm việc còn H sẽ tiếp quỹ một mình, H2 đồng ý để lại các chìa khóa cho H và đi lên quầy giao dịch. H đã tiếp hai loại tiền mệnh giá 50.000 đồng và 20.000 đồng vào các hộp tiền, cho một số lượng nhỏ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng vào các hộp tiền theo quy định, số còn lại H để trong 01 túi đựng tiền của Ngân hàng. H thực hiện việc khai báo trên máy ATM và in các hóa đơn giao dịch phù hợp với số tiền được duyệt tiếp quỹ, đến khoảng 17 giờ 30 phút đến 18 giờ H hoàn tất việc tiếp quỹ và cầm theo túi tiền vào quầy giao dịch, H cho túi tiền vào tủ cá nhân đến hết giờ làm việc mang cất túi tiền trong cốp xe máy và sử dụng chi tiêu hết. Lần tiếp quỹ ngày 16/7/2019, H đã chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền: 486.200.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 18/7/2019, H bảo H2 làm đề nghị tiếp quỹ theo số tiền đề nghị tiếp quỹ của kỳ tiếp quỹ trước là 344.000.000 đồng cho máy ATM số 00098701 đặt tại Công ty Điện lực Thái Nguyên, địa chỉ: Số 31 đường HVT, thành phố Thái Nguyên. H2 làm đề nghị tiếp quỹ và nhận số tiền trên từ quỹ theo lệnh điều tiền đã được duyệt. H biết H2 đang có việc riêng cần làm nên đã đề nghị H2 đưa các chìa khóa để H đi tiếp quỹ một mình, H2 đồng ý và giao lại các chìa khóa, thẻ Service và giao cho H số tiền 344.000.000 đồng để H đi tiếp quỹ. H đi cùng 01 bảo vệ là ông Vũ Thế C (sinh năm 1971, HKTT: Tổ dân phố LH, phường LS, TP SC, tỉnh Thái Nguyên) cùng đi xe ô tô chuyên dụng của Ngân hàng BKS: 20M- 0219 do anh Bùi Anh T3 điều khiển đến điểm tiếp quỹ. Khoảng 15 giờ, H có mặt tại máy ATM và thực hiện việc tiếp quỹ, tương tự như các lần tiếp quỹ đã chiếm đoạt tiền trước, H lấy số tiền tồn trong

máy ATM của chu kỳ tiếp quỹ trước ra cho vào 01 túi đựng tiền của ngân hàng, sau đó H cho hết các tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 20.000 đồng, cho một lượng nhỏ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng vào các hộp tiền theo quy định, số tiền còn lại H cho vào 01 túi đựng tiền của Ngân hàng để chiếm đoạt. Khoảng 16 giờ, H thực hiện xong việc tiếp quỹ, ông T3 lái xe chở H và ông Cường về trụ sở ngân hàng An Bình, H cất số tiền chiếm đoạt vào tủ cá nhân, đưa số tiền tồn của kỳ quỹ trước và các hóa đơn cho H2 để làm các báo cáo, hết giờ làm việc H mang số tiền chiếm đoạt cất vào cốp xe máy rồi sử dụng, chi tiêu hết. Lần tiếp quỹ ngày 18/7/2019, H đã chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền: 288.000.000 đồng.

Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của ngân hàng An Bình là 1.096.550.000 đồng. Sau khi bị phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H3 (là chị gái của Nguyễn Thị Thanh H) đã thay bị cáo khắc phục hậu quả, bồi thường T bộ số tiền 1.096.550.000 đồng cho Ngân hàng An Bình.

Tại bản cáo trạng số 37/CT – VKS – P2 ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị Thanh H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội “Tham ô tài sản”

- Áp dụng điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 353; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H mức án từ 15 đến 16 năm tù; Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với lời bào chữa của vị luật sư. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng, các tài liệu chứng cứ được thu thập của cơ quan điều tra, điều tra viên, của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; do luật sư, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội tại phiên tòa hôm nay của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Thị Thanh H được Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình phân công giữ chức vụ là trưởng quỹ, phó Ban quản lý ATM của ngân hàng An Bình- chi nhánh Thái Nguyên theo Quyết định số 136/QĐ – NHABCNTN.19 ngày 25/2/2019. Lợi dụng sự thiếu chặt chẽ của các quy định trong việc quản lý tiền sử dụng cho máy ATM, trong 03 lần được giao nhiệm vụ đi tiếp tiền vào máy ATM vào các ngày 27/6/2019, 16/7/2019 và 18/7/2019, Nguyễn Thị Thanh H đã lừa dối Phạm Thu H2 để đi tiếp quỹ một mình và không tiếp đủ số tiền vào máy ATM theo lệnh điều tiền mà chỉ tiếp một phần, phần còn lại mang về và chiếm đoạt, tổng số tiền H đã chiếm đoạt của Ngân hàng An Bình- Chi nhánh Thái Nguyên trong 3 lần nêu trên là: 1.096.550.000 đồng.

Với hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt 1.096.550.000 đồng của Ngân hàng An Bình- Chi nhánh Thái Nguyên như đã nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị Thanh H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự là hoàn T có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 353 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên;...”

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc T bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn và uy tín trong quản lý tài chính của ngân hàng; thể hiện sự tha hóa, biến chất của cán bộ có trách nhiệm, làm giảm lòng tin của nhân dân, gây ảnh hưởng tiêu cực về kinh tế trong đời sống xã hội. Vì vậy cần phải được xét xử nghiêm minh để đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; ngay sau khi vụ án bị phát hiện (mặc dù chưa bị khởi tố), bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường T bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng để khắc phục hậu quả và đã được Ngân hàng An Bình có đơn đề nghị xét giảm trách nhiệm hình sự; Trong quá trình công tác, bị cáo đã được Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình khen thưởng vì đã đạt được thành tích xuất sắc trong công tác năm 2017; Bị cáo có bố và mẹ để được nhà nước nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Mặc dù đây là vụ án tham nhũng nhưng so với các vụ án khác thì hậu quả đã được khắc phục toàn bộ trước khi khởi tố vụ án. Vì vậy khi lượng hình, cần mở lượng khoan hồng, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự theo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của vị luật sư tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn hiện không còn tài sản gì nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng Thương Mại cổ phần An Bình không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án có 1 USB có File đoạn video hình ảnh do camera an ninh tại ATM ghi nhận hình ảnh tiếp quỹ tại cây ATM vào ngày 27/6/2019 và ngày 18/7/2019 (do Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình cung cấp) đã được chuyển theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của vị luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[11] Trong vụ án này, Phạm Thu H2 là thủ quỹ, thành viên 1 thuộc Ban quản lý ATM của Ngân hàng An Bình- Chi nhánh Thái Nguyên, H2 được giao nhiệm vụ đi tiếp quỹ ATM cùng H trong các lần tiếp quỹ ATM nêu trên, nhưng do trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, khi H đưa ra đề nghị với H2 để H đi tiếp quỹ một mình còn H2 đi làm việc cá nhân thì H2 đã tin tưởng H và đồng ý, giao tiền, các loại chìa khóa cho H để H đi tiếp quỹ một mình, dẫn đến việc H có điều kiện thực hiện việc chiếm đoạt số tiền dùng để tiếp quỹ ATM của Ngân Hng. H2 không được H trao đổi, thỏa thuận và không được H chia lợi trong việc H chiếm đoạt tiền quỹ ATM, do vậy xác định H2 không có cùng động cơ, mục đích với H trong việc chiếm đoạt tiền quỹ của Ngân hàng. H2 đã quá tin tưởng H nên đã không làm hết trách nhiệm của mình trong việc tiếp quỹ ATM, hành vi của H2 tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, hậu quả đã được khắc phục hoàn toàn, ngân hàng An Bình có đơn đề nghị không xử lý hình sự, H2 có nhân thân tốt, hiện tại đang mắc bệnh ung thư, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với H2.

Đối với bà Đặng Thị T1 là Trưởng ban Quản lý ATM nhưng đã ủy quyền cho H thực hiện các nhiệm vụ và không tham gia thực hiện việc tiếp quỹ; ông H4, T2, C, T3 là lái xe và bảo vệ của Ngân hàng đã đi tiếp quỹ cùng H, những người này không biết việc H chiếm đoạt tiền do vậy, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên không xem xét xử lý đối với bà T1, ông H4, ông T2, ông C ông T3 là phù hợp.

Đối với số tiền 1.096.550.000đ do chị H3 (là chị gái bị cáo) đã nộp để khắc phục hậu quả theo bà Nguyễn Thị K (là mẹ đẻ bị cáo) khai: Bà K đã phải bán nhà để lấy số tiền nêu trên khắc phục hậu quả cho bị cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K yêu cầu sau khi H chấp hành án xong thì trả cho bà 500.000.000đ để bà dưỡng già nhưng đến ngày 27/7/2020, bà K đã có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo H phải trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà. Xét thấy ý kiến của bà K là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội “Tham ô tài sản”

- Áp dụng điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 353; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật

hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2019

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng Thương Mại cổ phần An Bình không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Về vật chứng vụ án có 1 USB có File đoạn video hình ảnh do camera an ninh tại ATM ghi nhận hình ảnh tiếp quỹ tại cây ATM vào ngày 27/6/2019 và ngày 18/7/2019 (do Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình cung cấp) đã được chuyển theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, H Nội
- VKSND cấp cao, H Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THAHS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khánh Hồng